

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HSST

Ngày: 26-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA
- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Long
Bà Nguyễn Thị Hằng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị P - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Lê Xuân Thu - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 13/2022/HSST ngày 20/4/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HS ngày 12/5/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Thị P.** Sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Lô 32-L2, MBQH5226, phường QT, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Kế toán; Trình độ văn hoá: 12/12. Con ông Phạm Văn N và bà Mai Thị P1; Chồng là Mai Thế S (đã ly hôn). Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Doanh nghiệp tư nhân Trần Hoàn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H. Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Số 603, MBQH 530, phường ĐV, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) Trần Hoàn có trụ sở tại xã Đông Vinh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tư nhân, Mã số doanh nghiệp 2800582689 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu vào ngày 24/11/2000, sửa đổi lần thứ 8 vào ngày 30/12/2019, được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy phép

khai thác khoáng sản và thuê đất số 230/GP-UBND ngày 26/6/2014 tại núi Vức, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Thời hạn khai thác là 29 năm 4 tháng kể từ ngày ký Giấy phép.

Ngày 01/3/2017, DNTN Trần Hoàn có ký kết Hợp đồng lao động số 0217 (loại không xác định thời hạn) với Phạm Thị P, đồng thời giao công việc Kế toán bán hàng tại mỏ đá núi Vức, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn kể từ ngày 02/3/2017. Với nhiệm vụ được giao, hàng ngày P thu tiền bán hàng tại mỏ, quản lý tiền và sử dụng để chi cho các hoạt động sản xuất của mỏ, ứng tiền cho công nhân... đến đầu các tháng 01, 3, 5, 7, 9, 11 của năm thì tổng hợp số tiền đã bán hàng (đá nghiền các loại) để nộp về doanh nghiệp.

Từ ngày 02/5/2021 đến ngày 01/7/2021, nhận thấy khi người nhà của Chủ doanh nghiệp vào kiểm tra việc thu chi tại mỏ với số lượng đá nghiền bán ra nhưng chỉ đối chiếu với phiếu bán hàng in bằng giấy than mà không đối chiếu với phiếu bán hàng gốc. Lợi dụng sơ hở này, Lê Thị P đã chỉnh sửa lại số liệu hàng đá nghiền bán ra ở một số phiếu bán hàng in bằng giấy than có khối lượng hàng thấp hơn thực tế đã bán và kê vào bảng thanh toán khối lượng đá nghiền theo số phiếu đã chỉnh sửa. Với thủ đoạn này, ngày 02/7/2021, khi thanh toán tiền doanh thu ở mỏ về Doanh nghiệp trong thời gian từ 02/05/2021 đến 01/07/2021, sau khi đã cộng lại các lần doanh nghiệp đến kiểm tra, giám sát tại các phiếu chi, P chỉ nộp về cho doanh nghiệp tổng số tiền là 509.771.000 đồng, trong khi số tiền thực tế mà P phải có trách nhiệm nộp về doanh nghiệp số tiền là 593.975.000 đồng. Số tiền trên tương ứng với số lượng hàng đá nghiền bán ra mà P đã kê khai giảm so với thực tế đã bán ra để nộp về doanh nghiệp. Cụ thể: Loại đá 1x2, khối lượng là 765.4m³, đơn giá 110.000 đồng; loại đá 4x6, khối lượng là 10,5m³, đơn giá 120.000 đồng; loại đá Bê A, khối lượng 23m³, đơn giá 110.000 đồng; loại đá Bê B, khối lượng 8m³, đơn giá 90.000 đồng và một lần vào ngày 03/5/2021, kê khai nhầm đơn giá ở số phiếu 0706 có đơn giá từ 110.000 đồng thành 1.110.000 đồng. Với thủ đoạn trên, Lê Thị P đã chiếm đoạt tổng số tiền bán hàng của DNTN Trần Hoàn tại mỏ đá núi Vức, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn là 84.204.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Sơn đã tiến hành thu giữ các chứng từ là Phiếu bán hàng, Phiếu chi, đồng thời trưng cầu giám định các chứng từ này. Ngày 03/11/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Kết luận giám định số 3339/PC09, kết luận: Chữ ký không ghi họ tên dưới mục “ Kế toán -Thủ kho ” tại các phiếu bán hàng và chữ viết, chữ ký phần “ người lập”, ở 54 phiếu chi là chữ ký của Phạm Thị P.

Các phiếu mà ở dưới mục “ Kế toán -Thủ kho ” có chữ ký dạng chữ viết Hiền là do bà Nguyễn Thị Hiền viết khi bán hộ hàng cho Phạm Thị P, ở các phiếu này khi kê khai nộp về Doanh nghiệp đều đúng với thực tế.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định để phục hồi các file excel trong cây máy tính để bàn tại Văn phòng của mỏ khai thác đá, đây là máy tính mà bị cáo P sử dụng để bán hàng. Ngày 08/10/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Kết luận giám định số 3108/KL-KTHS, kết quả đã phục hồi

được 65 file excel, qua kiểm tra các file excel đã phục hồi có hai file bảng kê thanh toán khối lượng đá nghiền từ 02/5/2021 đến 01/7/2021.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Sơn đã thu giữ: 11 quyển Phiếu bán hàng gốc, trong đó có 511 Phiếu bán hàng gốc từ ngày 18/5/2021 đến ngày 04/7/2021; 27 bảng kê thanh toán khối lượng đá nghiền; 02 quyển Phiếu chi có 54 phiếu đã ghi; 03 phiếu thu nộp tiền về doanh nghiệp; 01 máy tính. Đây là các đồ vật, tài liệu mà Lê Thị P đã sử dụng để bán hàng và nộp tiền tiền về doanh nghiệp. Đối với máy tính, đây là tài sản của doanh nghiệp, sau khi giám định, phục hồi dữ liệu, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Sơn đã trả lại cho DNTN Trần Hoàn.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra vụ án, bị cáo Phạm Thị P đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho DNTN Trần Hoàn là 84.261.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 16/CT - VKSĐS ngày 18/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn đã truy tố bị cáo Phạm Thị P về tội: Tham ô tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 353 BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Về phần hình sự: Đề nghị tuyên bị cáo Phạm Thị P phạm tội: Tham ô tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 353; Điều 65; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 106; Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/QH14 của Quốc hội

Tuyên phạt bị cáo Phạm Thị P mức án từ 30 (ba mươi) tháng tù đến 36 (ba sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo Phạm Thị P đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, quan điểm của bị hại, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo và bị hại không có ý kiến nào hoặc khiếu nại về hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Thấy đủ cơ sở chứng minh: Do có mục đích chiếm đoạt tài sản nên với nhiệm vụ được giao là kế toán bán hàng đá nghiền, quản lý tiền bán hàng để giao lại cho doanh nghiệp tại mỏ đá núi Vức, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn. Lợi dụng việc quản lý, kiểm tra, giám sát của DNTN Trần Hoàn có nhiều sơ hở nên trong khoảng thời gian từ ngày 02/5/2021 đến 01/7/2021, Phạm Thị P đã kê khai khối lượng hàng đá nghiền bán ra thấp hơn so với thực tế đã bán để chiếm đoạt với tổng số tiền là 84.204.000 đồng thì bị kiểm tra, phát hiện. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn truy tố bị cáo Phạm Thị P là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Phạm Thị P có đủ các dấu hiệu cấu thành tội: Tham ô tài sản. Tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

[3]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thì thấy:

Vụ án có tính chất nghiêm trọng. Bị cáo lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để sửa chữa hồ sơ, kê khai khối lượng hàng đá nghiền bán ra thấp hơn so với thực tế đã bán để chiếm đoạt số tiền lớn của bị hại để chi tiêu cá nhân. Hành vi của bị cáo Phạm Thị P là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp và hoạt động đúng đắn của tổ chức trong lĩnh vực kinh doanh, gây mất trật tự an ninh chung. Hành vi phạm tội của bị cáo cần xử lý nghiêm khắc để không gây ảnh hưởng xấu trong dư luận.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo và thật sự ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu, đã bồi thường xong số tiền chiếm đoạt, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mặc dù hoàn cảnh khó khăn nhưng bị cáo tự nguyện ủng hộ quỹ phòng chống COVID-19 tại địa P nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa có lần nào vi phạm pháp luật. Xét thấy không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù vì bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi địa P mà để bị cáo cải tạo giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền sở tại cũng đủ tác dụng răn đe đối với bị cáo và để cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[5]. Xét về trách nhiệm dân sự: Bị cáo bồi thường xong cho bị hại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 84.204.000 đồng. Bị hại không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự : Cấm bị cáo Phạm Thị P đảm nhiệm chức vụ Kế toán trong thời hạn 01 năm.

Ngoài ra bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy: Bị cáo không có thu nhập ổn định, vợ chồng đã ly hôn, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hay tịch thu tài sản đối với bị cáo.

[7]. Về vật chứng là các giấy tờ tài liệu thu giữ đang có trong hồ sơ vụ án: Đối với những tài liệu là bản gốc trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã thu giữ của Doanh nghiệp Trần Hoàn gồm: 11 quyển phiếu thu từ bút lục 01 đến bút lục 511 (tài liệu đánh số riêng); 02 quyển phiếu chi từ bút lục 512 đến bút lục 564 (tài liệu đánh số riêng); 05 tờ A4 kê khai số tiền sai tháng 1,2,3,4,5/2011 từ bút lục 565 đến bút lục 569 (tài liệu đánh số riêng); 27 bảng kê từ bút lục 56 đến bút lục 82; 03 phiếu thu từ bút lục 192 đến bút lục 194 để làm căn cứ xem xét, đánh giá, kết luận trong vụ án. Xét thấy đây là những hồ sơ, tài liệu gốc của DNTN Trần Hoàn phục vụ việc thanh toán, quyết toán công nợ với khách hàng và quyết toán, kiểm toán với Nhà nước nên cần trả lại cho DNTN khi bản án có hiệu lực pháp luật và được sao chụp để lưu vào hồ sơ vụ án.

[8]. Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[9]. Án phí: Bị cáo Phạm Thị P phải nộp tiền án phí HSST.

[10]. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo và người bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; điểm a khoản 1 Điều 46 BLHS; khoản 2 Điều 136; Điểm a khoản 3 Điều 106; Các Điều 331; 333; 336; 337 BLTTHS; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30/12/2016.

2. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị P phạm tội: Tham ô tài sản.

3. Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị P 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Phạm Thị P cho UBND phường Quảng Thắng thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của BLHS.

Cấm bị cáo Phạm Thị P đảm nhiệm chức vụ Kế toán trong thời hạn 01(một) năm tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Xử lý hồ sơ, tài liệu thu giữ: Trả lại cho DNTN Trần Hoàn các hồ sơ, tài liệu thu giữ là bản gốc trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án gồm: 11 quyển phiếu thu từ bút lục 01 đến bút lục 511 (tài liệu đánh số riêng); 02 quyển phiếu chi từ bút lục 512 đến bút lục 564 (tài liệu đánh số riêng); 05 tờ A4 kê khai số tiền sai tháng 1,2,3,4,5/2011 từ bút lục 565 đến bút lục 569 (tài liệu đánh số riêng); 27 bảng kê từ bút lục 56 đến bút lục 82; 03 phiếu thu từ bút lục 192 đến bút lục 194 khi bản án có hiệu lực pháp luật và được sao chụp để lưu vào hồ sơ vụ án.

5. Về án phí: Bị cáo Phạm Thị P phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí HSST.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDhuyện Đông Sơn;
- Công an huyện Đông Sơn;
- Bị cáo,
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thị Tố Như